

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015	6 - 7
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.154.960.380.294	717.366.223.540
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	113.900.394.172	210.793.475.252
1. Tiền	111		35.130.394.172	8.793.475.252
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.770.000.000	202.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		401.171.588.935	360.911.273.015
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	70.641.665.862	120.379.236.215
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	301.237.261.956	211.207.574.141
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	29.472.672.835	29.504.474.377
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(180.011.718)	(180.011.718)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		634.886.732.694	120.179.885.072
1. Hàng tồn kho	141	V.8	634.886.732.694	120.179.885.072
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.001.664.493	25.481.590.201
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4.896.638.357	25.481.590.201
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		105.026.136	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.383.165.232.667	1.436.803.631.105
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.105.776.077	3.105.776.077
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.10	3.105.776.077	3.105.776.077
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		1.180.427.570.859	1.246.848.179.856
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	1.174.134.350.962	1.240.348.976.104
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.286.858.366.748	2.284.979.762.178
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.112.724.015.786)	(1.044.630.786.074)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.293.219.897	6.499.203.752
	<i>Nguyên giá</i>	228		14.596.060.332	14.596.060.332
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.302.840.435)	(8.096.856.580)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		72.843.731.093	60.021.949.769
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	72.843.731.093	60.021.949.769
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		100.205.296.956	100.205.296.956
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	70.967.611.048	70.967.611.048
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	47.033.790.000	47.033.790.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	15.490.700.000	15.490.700.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(33.286.804.092)	(33.286.804.092)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		26.582.857.682	26.622.428.447
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	26.582.857.682	26.622.428.447
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.538.125.612.961	2.154.169.854.645

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.061.591.270.123	684.139.054.085
I. Nợ ngắn hạn	310		1.005.554.817.995	628.065.942.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.29	170.878.665.771	51.907.094.068
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	24.452.113.808	330.604.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	4.697.016.567	16.677.733.330
4. Phải trả người lao động	314		3.299.427.092	15.254.380.468
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	22.724.778.001	4.159.000.032
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	13.450.843.955	15.535.527.617
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	700.337.326.532	457.737.420.630
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	65.714.646.269	66.464.182.412
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		56.036.452.128	56.073.111.528
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.26	2.000.000.000	2.000.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.28	-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.27	54.036.452.128	54.073.111.528
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.476.534.342.838	1.470.030.800.560
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.475.978.714.581	1.469.192.092.303
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.28	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	180.176.411.784	180.276.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.28	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.28	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.28	493.930.037.713	493.290.681.814

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

9.	Quỹ hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp	419			
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		V.28	63.829.403.778	63.829.403.778
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	V.28	31.795.594.927	31.795.594.927
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.247.266.379	
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		555.628.257	838.708.257
1.	Nguồn kinh phí	431	V.29	472.293.593	755.373.593
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.30	83.334.664	83.334.664
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.538.125.612.961	2.154.169.854.645

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.34	65.216.955.000	229.150.860.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	1.565.227.263	1.565.227.263
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		2.644,92	2.644,92

Lập ngày 10 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I - 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	288.857.157.258	367.990.794.481
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	59.342.144.900	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	229.515.012.358	367.990.794.481
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	199.258.615.695	317.126.594.622
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.256.396.663	50.864.199.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.264.227.179	84.851.308
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.997.323.957	16.293.547.273
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.996.924.597	12.035.834.023
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.660.860.721	4.130.969.371
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.949.337.722	7.738.264.072
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.913.101.442	22.786.270.451
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.403.546.235	124.624.795
12. Chi phí khác	32	VI.8	977.772.064	1.097.201.040
13. Lợi nhuận khác	40		425.774.171	(972.576.245)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.338.875.613	21.813.694.206
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	2.091.609.234	4.826.343.463
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			(395.548)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.247.266.379</u>	<u>16.987.746.291</u>

Lập ngày 10 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I - 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.338.875.613	21.813.694.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		68.299.213.567	69.293.953.804
- Các khoản dự phòng	03	-		395.451.459
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(84.851.308)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.996.924.597	12.035.834.023
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		83.635.013.777	103.454.082.184
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(40.260.315.920)	31.452.989.082
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(514.706.847.622)	(492.881.132.669)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		138.518.277.882	348.774.556.430
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		20.624.522.609	23.488.541.870
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.765.609.535)	(5.947.118.875)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.600.000.000)	(5.848.901.046)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(105.026.136)	105.607.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.132.616.143)	(2.254.400.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(324.792.601.088)	344.223.913
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.700.385.894)	(4.522.683.298)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(314.444.970)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			6.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.700.385.894)	1.762.871.732

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

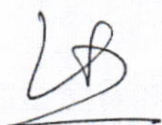
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		699.357.326.532	274.498.743.014
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(456.757.420.630)	(269.353.682.355)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		242.599.905.902	5.145.060.659
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(96.893.081.080)	7.252.156.304
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	210.793.475.252	15.320.762.221
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	113.900.394.172	22.572.918.525

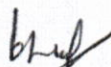
Lập ngày 10 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 05 năm.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 35
Phần mềm quản lý	05 – 08

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 31/03/2015, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.710.072.536	181.984.390
Tiền gửi ngân hàng	33.420.321.636	8.611.490.862
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	78.770.000.000	202.000.000.000
Cộng	<u>113.900.394.172</u>	<u>210.793.475.252</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư, cho vay ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>70.641.665.862</u>	<u>120.379.236.215</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người trồng mía	183.333.905.930	163.509.353.832
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	117.903.356.026	47.698.220.309
Cộng	<u>301.237.261.956</u>	<u>211.207.574.141</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về tiền lãi dự thu	968.172.185	-
Thuế TNCN	68.016.689	70.068.712
Phải thu BHXH của CBCNV	461.160.717	523.153.175
Phải thu của Công ty CP rượu VN-TĐ	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư tài chính	13.768.938.800	13.768.938.800
Tạm ứng	2.056.884.634	2.264.081.287
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	330.428.674	684.361.474
Các khoản phải thu khác	3.315.010.830	3.689.810.623
Cộng	<u>29.472.672.835</u>	<u>29.504.474.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
 Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn. huyện Thọ Xuân. Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(180.011.718)	(180.011.718)
8. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	39.939.780.919	58.936.902.196
Công cụ, dụng cụ	575.037.198	775.564.681
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.238.016.424	39.887.016.489
Thành phẩm	578.898.921.274	18.191.483.286
Hàng hóa	2.234.976.879	2.388.918.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	634.886.732.694	120.179.885.072
9. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.896.638.357	25.481.590.201
Cộng	4.896.638.357	25.481.590.201
10. Phải thu dài hạn khác:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	3.105.776.077	3.105.776.077
Cộng	3.105.776.077	3.105.776.077

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	373.489.329.793	1.830.428.354.449	58.246.082.809	22.282.605.127	533.390.000	2.284.979.762.178
Tăng trong kỳ						
<i>Mua sắm mới</i>		184.640.000	199.000.000			383.640.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	1.494.964.570					1.494.964.570
<i>Tăng do phân loại lại</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	374.984.294.363	1.830.612.994.449	58.445.082.809	22.282.605.127	533.390.000	2.286.858.366.748
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	174.397.058.947	802.521.960.097	47.584.719.172	19.977.835.145	149.212.713	1.044.630.786.074
Tăng trong kỳ						
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	4.684.097.218	62.295.874.034	897.674.119	202.991.991	12.592.350	68.093.229.712
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>						
<i>Tăng do phân loại lại</i>						
Giảm trong kỳ						
<i>Giảm do chuyển theo dõi CCDC</i>						
<i>Giảm do phân loại lại</i>						
Số cuối kỳ	179.081.156.165	864.817.834.131	48.482.393.291	20.180.827.136	161.805.063	1.112.724.015.786
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	199.092.270.846	1.027.906.394.352	10.661.363.637	2.304.769.982	384.177.287	1.240.348.976.104
Số cuối kỳ	195.903.138.198	965.795.160.318	9.962.689.518	2.101.777.991	371.584.937	1.174.134.350.962

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Giá trị lợi thế doanh nghiệp	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.563.580.614	9.032.479.718		14.596.060.332
Tăng trong kỳ do mua sắm				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ(phân loại)				
Số cuối kỳ	5.563.580.614	9.032.479.718		14.596.060.332
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	261.057.510	7.835.799.070	-	8.096.856.580
Tăng trong kỳ do khấu hao	9.323.484	196.660.371	-	205.983.855
Khấu hao TSCĐ phúc lợi				
Tăng do phân loại lại				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	270.380.994	8.032.459.441		8.302.840.435
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.302.523.104	1.196.680.648	-	6.499.203.752
Số cuối kỳ	5.293.199.620	1.000.020.277		6.293.219.897

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ		-
XDCB dở dang	72.843.731.093	60.021.949.769
Dự án khu nhà làm việc, nhà ở CBNV	23.562.463.530	23.526.099.894
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	28.622.988.841	22.056.826.940
Dự án khác	20.658.278.722	14.439.022.935
Cộng	72.843.731.093	60.021.949.769

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/03/2015	
	Theo g.phép	Thực góp	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	100%	100%	15.500.000	15.500.000.000
Công ty TNHH L.Sơn- Sao Vàng	100%	100%		21.396.593.886
Công ty CP Cơ giới NN Lam Sơn	55,83%	58,94%	1.004.950	10.049.500.000
Công ty CP ĐT PT L.Sơn – B.Thước	58,33%	77,78%	1.050.000	10.500.000.000
Công ty CP Nông công nghiệp DVTM Vân Sơn	78,95%	78,95%	900.000	9.000.000.000
Trường cao đẳng nghề Lam Kinh				4.521.517.162
Cộng				70.967.611.048

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
 Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại 31/03/2015	
	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Du lịch Thanh Hoá	46,31%	46,31%	55.562	10.533.790.000
Công ty CP ĐTPT L.Sơn – N.Xuân	38,99%	40,05%	1.500.000	15.000.000.000
Công ty CP rượu V.Nam – T.Điện	38,39%	38,39%	2.150.000	21.500.000.000
Cộng				47.033.790.000

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Cho vay dài hạn		-		-
- Đầu tư dài hạn khác		15.490.700.000		15.490.700.000
+ Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	231.420	2.314.200.000	231.420	2.314.200.000
+ Công ty CP ĐTTM Lam Sơn	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Cổ phiếu MB Land	90.000	900.000.000	90.000	900.000.000
+ Công ty CP thương mại Lam Hà		2.276.500.000		2.276.500.000
Cộng		15.490.700.000		15.490.700.000

17. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(10.185.697.059)	(10.185.697.059)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(23.101.107.033)	(23.101.107.033)
Cộng	(33.286.804.092)	(33.286.804.092)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	KC vào chi phí	
			SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí thuê đất	20.731.009.698	-	198.114.786	20.532.894.912
Chi phí quy hoạch khu CNC	5.375.569.484	228.696.298	-	5.604.265.782
TSCĐ chuyển CCDC chờ phân bổ	515.849.265	-	70.152.277	445.696.988
Cộng	26.622.428.447	228.696.298	268.267.063	26.582.857.682

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người trồng mía	152.555.876.706	29.111.991.049

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp khác	17.550.669.526	22.795.103.019
Phải trả Nhà cung cấp tại CNC	772.119.539	
Cộng	<u>170.878.665.771</u>	<u>51.907.094.068</u>

20. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	24.452.113.808	330.604.000
Cộng	<u>24.452.113.808</u>	<u>330.604.000</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.468.325.997	244.540.702	9.712.866.699	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-			
Thuế xuất, nhập khẩu	-			
Thuế TNDN	7.199.660.087	2.091.609.234	4.600.000.000	4.691.269.321
Thuế TNCN	-			
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-			
Thuế khác	9.747.246		4.000.000	5.747.246
Cộng	<u>16.677.733.330</u>	<u>2.336.149.936</u>	<u>14.316.866.699</u>	<u>4.697.016.567</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngon mía giống, sản phẩm rau củ quả	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Cồn	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý I năm 2015:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.338.875.613
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	1.168.439.088
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.168.439.088
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập tính thuế trước khi trích lập quỹ PTKHCN	9.507.314.701
Trích lập quỹ PT KHCN	-

	<u>Năm nay</u>	
Lợi nhuận kế toán trước thuế sau khi trích lập quỹ KHCN		8.338.875.613
Thu nhập tính thuế sau khi trích lập quỹ PT KHCN		9.507.314.701
Thuế TNDN hiện hành (22%)		2.091.609.234
Thuế TNDN hoãn lại		-
Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.247.266.379
<i>Thuế nhà đất</i>		
Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.		
<i>Các loại thuế khác</i>		
Công ty kê khai và nộp theo qui định.		
22. Chi phí phải trả		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	978.931.611	747.616.549
Chi phí thu mua mía	10.617.116.023	376.373.401
Chi phí phải trả-Dự án hoàn thiện dây truyền nâng cao năng lực sản xuất đường luyện	1.716.640.000	1.716.640.000
Chi phí phải trả khác	9.412.090.367	1.318.370.082
Cộng	22.724.778.001	4.159.000.032
23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.182.537.563	601.049.009
Kinh phí công đoàn	1.491.782.544	1.385.981.437
Cổ tức phải trả	796.404.983	2.136.571.913
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	66.025.120	66.025.120
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	70.243.163	70.243.163
Hoàn ứng	296.797.874	104.514.803
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	7.720.591.150	8.359.944.049
Bảo lãnh thực hiện HĐLĐ	870.000.000	810.000.000
Các khoản phải trả khác	956.461.558	2.001.198.123
Cộng	13.450.843.955	15.535.527.617
24. Vay và nợ ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	980.000.000	980.000.000
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	699.357.326.532	456.757.420.630
Cộng	700.337.326.532	457.737.420.630

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay PS trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn NH	456.757.420.630	659.884.853.553	417.284.947.651	699.357.326.532
Vay ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác	980.000.000			980.000.000
Cộng	457.737.420.630	659.884.853.553	417.284.947.651	700.337.326.532

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	20.426.235.453	20.438.100.453
Quỹ phúc lợi	279.017.364	1.016.688.507
Quỹ phúc lợi HTTSCĐ	45.009.393.452	45.009.393.452
Cộng	65.714.646.269	66.464.182.412

26. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay Công đoàn C.ty	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	-
Cộng	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

Trên 1 năm đến 5 năm	2.000.000.000
Tổng nợ	2.000.000.000

27. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**28. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	500.000.000.000	180.276.411.784	-	-	481.266.276.800	61.857.463.123	62.420.449.114
Tăng vốn trong năm	200.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	54.295.594.927
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	8.080.523.704	-	(2.560.745.839)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.943.881.310	1.971.940.655	(9.859.703.275)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	(72.500.000.000)
Các khoản khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.276.411.784	-	-	493.290.681.814	63.829.403.778	31.795.594.927
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.276.411.784	-	-	493.290.681.814	63.829.403.778	31.795.594.927
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.247.266.379
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	(100.000.000)	-	-	639.355.899	-	-
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	493.930.037.713	63.829.403.778	38.042.861.306

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.276.411.784
Cộng	880.176.411.784	880.276.411.784

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành BQ trong kỳ	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

29. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	755.373.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	111.120.000
Tăng khác (điều chỉnh số chi năm trước)	(394.200.000)
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	472.293.593

30. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	83.334.664
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	-
Số cuối kỳ	83.334.664

31. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa nhận giữ hộ	65.216.955.000	229.150.860.000

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	65.216.955.000	229.150.860.000
32. Nợ khó đòi đã xử lý		
Số đầu năm		1.565.227.263
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ		-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ		-
Số cuối kỳ		1.565.227.263

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV NĂM 2014:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	288.857.157.258	367.990.794.481
Doanh thu bán hàng hóa	188.511.757	-
Doanh thu bán thành phẩm	281.253.970.751	365.919.698.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.595.219.000	590.141.104
Doanh thu khác	1.819.455.750	1.480.955.106
Các khoản giảm trừ doanh thu	(59.342.144.900)	-
Doanh thu thuần	229.515.012.358	367.990.794.481
Doanh thu bán hàng hóa	188.511.757	-
Doanh thu bán thành phẩm	221.911.825.851	365.919.698.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.595.219.000	590.141.104
Doanh thu khác	1.819.455.750	1.480.955.106

2. Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	188.847.723.711	315.338.024.403
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.862.087	666.884
Giá vốn của hàng bán khác đã cung cấp	10.403.029.897	1.787.903.335
Cộng	199.258.615.695	317.126.594.622

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.281.936.157	32.601.308
Lãi tiền cho vay	976.507.741	52.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
 Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia		-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.783.281	-
Cộng	<u>2.264.227.179</u>	<u>84.851.308</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.996.924.597	12.035.834.023
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	399.360	375.000
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	-	235.198.750
Chi phí khác	-	4.022.139.500
Cộng	<u>8.083.660.955</u>	<u>16.293.547.273</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.833.024.708	1.822.610.837
Chi phí vật liệu, bao bì	11.241.192	43.908.796
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.431.610.711	589.718.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	340.995.358	283.200.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.026.418.588	556.007.255
Chi phí bằng tiền khác	1.017.570.164	835.523.513
Cộng	<u>10.660.860.721</u>	<u>4.130.969.371</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.434.386.103	2.593.945.543
Chi phí vật liệu quản lý	21.113.001	99.127.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.623.194	216.424.205
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.263.227.790	1.393.793.457
Thuế, phí và lệ phí	21.008.339	45.995.339
Chi phí dự phòng, trợ cấp	202.089.520	1.248.444.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	907.344.215	668.339.291
Chi phí bằng tiền khác	2.035.545.560	1.472.193.561
Cộng	<u>6.949.337.722</u>	<u>7.738.264.072</u>

7. Thu nhập khác

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
 Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		-
Thu từ bán vật tư, phế liệu		-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.400.000	7.500.000
Các khoản khác	1.398.146.235	117.124.795
Cộng	<u>1.403.546.235</u>	<u>124.624.795</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý		-
Các khoản khác	977.772.064	1.097.201.040
Cộng	<u>977.772.064</u>	<u>1.097.201.040</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.247.266.379
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.247.266.379
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>89</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>70.000.000</u>

VII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/03/2015</u>	<u>31/03/2014</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	45,50	40,58

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính		
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	54,507	59,42
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,83	45,85
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	58,17	54,15
Khả năng thanh toán		31/03/2015	31/03/2014
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,39	2,18
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,15	1,15
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,03
Tỷ suất sinh lời Quý I:		2015	2014
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	3,58	5,92
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	2,68	4,61
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	3,63	5,93
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	2,72	4,62
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,33	0,92
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,25	0,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0,42	1,32

2. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 31/03/2015		Tại ngày 01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	113.900.394.172		210.793.475.252	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	103.220.114.774	(180.011.718)	150.041.043.908	(180.011.718)
Các khoản cho vay	8.504.060.306		8.504.060.306	-
Đầu tư ngắn hạn			-	-
Đầu tư dài hạn	15.490.700.000		15.490.700.000	-
	241.115.269.252	(180.011.718)	376.325.219.160	(180.011.718)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách kế toán	
	Tại ngày 31/03/2015	Tại ngày 01/01/2015

	Giá trị số sách kế toán	
Vay và nợ	702.337.326.532	459.737.420.630
Phải trả người bán, phải trả khác	184.329.509.726	80.814.676.830
Chi phí phải trả	22.724.778.001	4.159.000.032
	909.391.614.259	544.711.097.492

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2015				
Tiền và tương đương tiền	113.900.394.172			113.900.394.172
Phải thu khách hàng, phải thu khác	100.114.338.697	3.105.776.077		103.220.114.774
Các khoản cho vay	8.504.060.306			8.504.060.306

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Đầu tư ngắn hạn				-
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	222.518.793.175	18.596.476.077		241.115.269.252
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và tương đương tiền	210.793.475.252	-	-	210.986.392.056
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.281.366.365	3.105.776.077	-	149.387.142.442
Các khoản cho vay	8.504.060.306	-	-	8.504.060.306
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	15.490.700.000	-	15.490.700.000
	365.578.901.923	18.596.476.077	-	384.368.294.804

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/03/2015				
Vay và nợ	700.337.326.532	2.000.000.000	-	702.337.326.532
Phải trả người bán, phải trả khác	184.329.509.726		-	184.329.509.726
Chi phí phải trả	22.724.778.001		-	22.724.778.001
	907.391.614.259	2.000.000.000	-	909.391.614.259
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	457.737.420.630	2.000.000.000	-	459.737.420.630
Phải trả người bán, phải trả khác	80.814.676.830	-	-	80.814.676.830
Chi phí phải trả	4.159.000.032	-	-	4.159.000.032
	542.711.097.492	2.000.000.000		544.711.097.492

Tính đến thời điểm 31/03/2015, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Quý I năm 2015, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 229.515.012.354 đồng trong đó doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là 213.481.564.691 đồng chiếm tỷ trọng 93,01%; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 6,99%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu trong khi đó doanh thu các sản phẩm khác chiếm tỷ trọng chưa đến 10% tổng doanh thu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	30.566.110.034	38.566.648.187
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	30.262.235.405	31.798.710.316
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	Công ty con	3.571.534.513	2.591.688.630
Giao dịch bán hàng			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	8.402.492.500	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu cho vay			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Phải trả			
Công ty CP ĐT PT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	2.281.609.678	1.378.180.054

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế Quý I năm 2015 đạt 5.467.266.379 đồng giảm (11.520.479.912) đồng so với cùng kỳ. Tương đương giảm 67,8% so với cùng kỳ năm 2014 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 138,5 tỷ đồng do thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Sức mua giảm sút sau khi các đơn vị sản xuất tập trung sản phẩm cho Tết nguyên đán vào Quý IV/2014. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 21,6 tỷ đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 2,2 tỷ đồng tương đương tăng 25,6% so với cùng kỳ; Chi phí hoạt động tài chính giảm 9,2 tỷ đồng tương đương giảm 57% so với Quý I/2014.
- Bên cạnh đó, do gặp nhiều khó khăn trong công tác tiêu thụ hàng hóa nên chi phí bán hàng trong kỳ tăng 6,5 tỷ đồng so với Quý I/2014.

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Lập ngày 10 tháng 05 năm 2015

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương